

Bản án số: 14/2022/DS-ST
Ngày: 22-3-2022
“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÐ, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Minh Quang.

2. Bà Phạm Thị Lợi.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Minh Quyền, Thư ký Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BÐ tham gia phiên tòa:* Ông Bùi Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 180/2021/TLST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2022/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Phước T**, sinh năm 1972 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Vinh Thái, xã Vang Quới T, huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: **Phan Thị B**, sinh năm 1953 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Chợ, xã Thới L, huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

Bà Phan Thị B có yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 20/12/2021.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 5 năm 2021, đơn yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 04/01/2022, những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Nguyễn Thị Phước T trình bày:

Vào ngày 09/4/2015, bà Nguyễn Thị Phước T có cho bà Phan Thị B vay số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng), hai bên thỏa thuận hai ngày sau sẽ trả nợ, lãi suất là 0%/tháng. Đến ngày trả nợ, bà Nguyễn Thị Phước T đã nhiều lần đến gặp bà Phan Thị B để đòi lại số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) nhưng bà Phan Thị B hèn mà không trả nợ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Nguyễn Thị Phước T yêu cầu bà Phan Thị B phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Phước T số tiền vốn vay là 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) và số tiền lãi là 0,83%/tháng, tính từ ngày 07/5/2021 (Ngày nộp đơn khởi kiện) đến ngày 22/3/2022 là 10 tháng 15 ngày, tuy nhiên bà T chỉ yêu cầu tính tiền lãi 10 tháng, cụ thể với số tiền lãi là 2.075.000 đồng (Hai triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Như vậy, tổng cộng số tiền nguyên đơn Nguyễn Thị Phước T yêu cầu bà Phan Thị B phải hoàn trả là 27.075.000 đồng (Hai mươi bảy triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/12/2021, bị đơn Phan Thị B trình bày:

Bà Phan Thị B có vay của bà Nguyễn Thị Phước T số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng), thời gian vay là rất lâu, không nhớ cụ thể thời gian nào, khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất 6% mỗi tháng, do đó mỗi tháng bà Phan Thị B phải đóng lãi cho bà T số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Thời gian sau này (Không nhớ rõ thời gian), bà Phan Thị B không đóng lãi nữa nên ngưng đóng lãi cho đến nay.

Nay, qua yêu cầu của bà Nguyễn Thị Phước T, bà Phan Thị B đồng ý hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Phước T số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng). Tuy nhiên, hiện tại hoàn cảnh gia đình đang gặp khó khăn chưa có điều kiện trả nợ, sau khi bán được nhà, bà B sẽ trả đủ số tiền vay 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) cho bà Nguyễn Thị Phước T.

* Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự và xác định đúng quan hệ tranh chấp. Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự trong quá trình xét xử sơ thẩm vụ án. Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ theo Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Các điều 26, 35, 39, 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Buộc bà Phan Thị B phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Phước T số tiền vốn vay là 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) và số tiền lãi là 0,83%/tháng, kể từ ngày nộp đơn khởi kiện đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm (Ngày 22/3/2022)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Phan Thị B có yêu cầu xét xử vắng mặt, do đó xét xử vắng mặt bà B là phù hợp với Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu của hai bên đương sự và đề nghị của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về nội dung vụ án:

Vào ngày 09/4/2015, bà Nguyễn Thị Phước T có cho bà Phan Thị B vay số tiền là 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng), hai bên thỏa thuận hai ngày sau sẽ trả nợ, lãi suất là 0%/tháng. Đến ngày trả nợ, bà Nguyễn Thị Phước T đã nhiều lần đến gặp bà Phan Thị B để đòi lại số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng). Tuy nhiên, bên bà Phan Thị B hèn mà không trả nợ.

Hội đồng xét xử xét thấy bị đơn Phan Thị B thừa nhận việc bà B có vay của bà Nguyễn Thị Phước T số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng), do đó đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Hai bên thỏa thuận thời hạn trả nợ là 02 ngày sau, kể từ ngày vay tiền, đồng thời không có thỏa thuận tiền lãi, do đó hợp đồng vay tiền của bà T và bà B là hợp đồng vay có thời hạn và không có lãi. Vì vậy, bà Nguyễn Thị Phước T yêu cầu trả vốn 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) và tính tiền lãi với mức lãi suất là 0,83%/tháng, thời gian tính tiền lãi từ ngày nộp đơn khởi kiện (ngày 07/5/2021) đến ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 22/3/2022) là có cơ sở và phù hợp với khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Với thời gian tính tiền lãi là 10 tháng 15 ngày, tuy nhiên, bà T chỉ yêu cầu 10 tháng tiền lãi, đây là sự tự nguyện của bà T nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Cụ thể số tiền lãi được tính như sau:

$(25.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng}) \times 10 \text{ tháng} = 2.075.000 \text{ đồng}$ (Hai triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Như vậy, bà Phan Thị B phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Phước T số tiền vay là 27.075.000 đồng (Hai mươi bảy triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Trong đó: vốn là 25.000.000 đồng, tiền lãi là 2.075.000 đồng.

[3] Việc bà Phan Thị B cho rằng bà đã đóng tiền lãi cho bà Nguyễn Thị Phước T với lãi suất là 6%/tháng, tương đương với mỗi tháng 1.500.000 đồng, không nhớ

rõ thời gian, tuy nhiên bà B không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh, đồng thời cũng không yêu cầu tính tiền lãi lại nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Ngoài ra, bà B cho rằng do hoàn cảnh kinh tế gia đình bà đang gặp khó khăn và yêu cầu sau khi bán được nhà, bà sẽ hoàn trả đủ số tiền vay cho bà T. Hội đồng xét xử xét thấy đây là cách thực hiện việc trả nợ nên không xem xét, các bên được quyền thỏa thuận trong giai đoạn thi hành án.

[4] Đối với quan điểm phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bà Phan Thị B thuộc trường hợp là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 92, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Phước T đối với bà Phan Thị B về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Phan Thị B phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Phước T số tiền vay là 27.075.000 đồng (Hai mươi bảy triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Trong đó: Tiền vốn là 25.000.000 đồng, tiền lãi là 2.075.000 đồng.

Kể từ ngày bản án (quyết định) có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Phan Thị B thuộc trường hợp là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí.

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Phước T số tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp là 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên L thu tiền tạm ứng án phí số 0000254 ngày 25 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn Nguyễn Thị Phước T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn Phan Thị B vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện BĐ;
- Chi cục THADS huyện BĐ.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Đăng Phi